

**Công ty Cổ phần Dầu khí  
Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

# Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 số 3601010336 cấp ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hoà	Thành viên
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc

miễn nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2020

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàn Sơn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Hoàng Sơn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2021

Số tham chiếu: 61606839/22095683-FN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") được lập ngày 3 tháng 2 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1, của báo cáo tài chính kèm theo trình bày việc Công ty được miễn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, do Công ty không có công ty con tại ngày báo cáo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 1 năm 2020.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám Đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Nguyễn An Khang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4611-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>53.082.042.684</b>	<b>724.134.941.271</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>46.752.285.141</b>	<b>719.960.366.559</b>
111	1. Tiền		1.632.285.141	1.289.250.815
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.120.000.000	718.671.115.744
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.745.669.716</b>	<b>2.782.595.454</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.301.840.000	73.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	443.829.716	2.709.595.454
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>584.087.827</b>	<b>1.391.979.258</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		551.260.368	1.359.151.799
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	32.827.459	32.827.459
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.223.386.796.921</b>	<b>391.767.765.238</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.871.366.000</b>	<b>6.783.000.000</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	6.773.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.103.796.418</b>	<b>2.793.154.418</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	2.103.796.418	2.793.154.418
222	Nguyên giá		6.320.113.089	13.586.010.959
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.216.316.671)	(10.792.856.541)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		41.733.000	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.733.000)	(41.733.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.217.411.634.503</b>	<b>232.191.610.820</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.217.411.634.503	232.191.610.820
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	150.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.276.468.839.605</b>	<b>1.115.902.706.509</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>165.944.727.015</b>	<b>19.319.262.088</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>165.944.727.015</b>	<b>19.319.262.088</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		133.200.000	2.401.194.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	148.870.936	4.242.898
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	11	15.138.487.681	14.822.656.792
320	4. Vay ngắn hạn	17	148.631.000.000	-
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.893.168.398	2.091.168.398
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.110.524.112.590</b>	<b>1.096.583.444.421</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>1.110.524.112.590</b>	<b>1.096.583.444.421</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	4. Lỗi lũy kế		(831.458.416)	(14.772.126.585)
421a	- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước		(14.772.126.585)	(32.766.653.520)
421b	- Lợi nhuận thuần năm nay		13.940.668.169	17.994.526.935
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.276.468.839.605</b>	<b>1.115.902.706.509</b>

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập / Kế toán trưởng

  
Phạm Hoành Sơn  
Chủ tịch HĐQT


Ngày 3 tháng 2 năm 2021

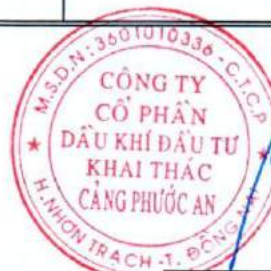



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	13	28.561.745.323	34.391.743.886
22	2. Chi phí tài chính		(22.175)	(79.942)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	(16.671.000.434)	(16.397.137.009)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.890.722.714	17.994.526.935
31	5. Thu nhập khác	14	2.072.545.455	-
32	6. Chi phí khác		(22.600.000)	-
40	7. Lợi nhuận khác		2.049.945.455	-
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.940.668.169	17.994.526.935
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.1	-	-
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		13.940.668.169	17.994.526.935

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập / Kế toán trưởng



  
Phạm Hoàng Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 3 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>13.940.668.169</b>	<b>17.994.526.935</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7	689.358.000	690.340.331
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.593.690.778)	(34.391.743.886)
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(15.963.664.609)</b>	<b>(15.706.876.620)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		1.094.152.075	8.817.186.470
11	Giảm các khoản phải trả		(1.243.123.649)	(679.443.857)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	341.609.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(198.000.000)	(223.720.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(16.310.636.183)</b>	<b>333.816.145.993</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(988.101.641.107)	22.768.639.337
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		2.031.945.455	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(200.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	200.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi và cổ tức		30.541.250.417	32.597.599.625
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(805.528.445.235)</b>	<b>55.366.238.962</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		148.631.000.000	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>148.631.000.000</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(673.208.081.418)	389.182.384.955
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		719.960.366.559	330.777.981.604
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	46.752.285.141	719.960.366.559



Dương Thị Tú Anh  
Người lập / Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 3 tháng 2 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 số 3601010336 cấp ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 30 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 40).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty con duy nhất của Công ty, Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An, đã giải thể (*Thuyết minh số 9*). Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có công ty con nào và được miễn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	1 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế hoãn lại*

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này. Thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	122.767.082	771.122.744
Tiền gửi ngân hàng	1.509.518.059	518.128.071
Các khoản tương đương tiền (*)	45.120.000.000	718.671.115.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.752.285.141</b>	<b>719.960.366.559</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất là 4,70%/năm.

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.301.840.000</b>	<b>73.000.000</b>
Công ty TNHH Kiên Giang Composite	3.280.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật biển	734.030.000	-
Lữ đoàn 550 – Quân đoàn 4	686.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	552.000.000	-
Khác	49.810.000	73.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.861.366.000</b>	<b>6.773.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn	3.861.366.000	6.773.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.163.206.000</b>	<b>6.846.000.000</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>443.829.716</b>	<b>2.709.595.454</b>
Lãi tiền gửi	337.725.260	2.317.230.354
Tạm ứng	-	67.000.000
Khác	106.104.456	325.365.100
<b>Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>453.829.716</b>	<b>2.719.595.454</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	3.908.403.636	9.326.649.688	350.957.635	13.586.010.959
Thanh lý	-	(7.265.897.870)	-	(7.265.897.870)
Số cuối năm	<u>3.908.403.636</u>	<u>2.060.751.818</u>	<u>350.957.635</u>	<u>6.320.113.089</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	2.003.751.818	261.513.999	2.265.265.817
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(1.194.234.448)	(9.286.613.963)	(312.008.130)	(10.792.856.541)
Khấu hao trong năm	(651.400.608)	(8.142.852)	(29.814.540)	(689.358.000)
Thanh lý	-	7.265.897.870	-	7.265.897.870
Số cuối năm	<u>(1.845.635.056)</u>	<u>(2.028.858.945)</u>	<u>(341.822.670)</u>	<u>(4.216.316.671)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>2.714.169.188</u>	<u>40.035.725</u>	<u>38.949.505</u>	<u>2.793.154.418</u>
Số cuối năm	<u>2.062.768.580</u>	<u>31.892.873</u>	<u>9.134.965</u>	<u>2.103.796.418</u>

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	1.098.411.807.292	120.621.067.166
Chi phí triển khai dự án	44.362.003.836	40.603.499.511
Thiết kế bản vẽ thi công	18.511.134.534	17.585.693.036
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040
Khảo sát địa chất	15.864.651.865	15.009.077.229
Lập dự án đầu tư	11.458.463.203	11.214.249.090
Khác	12.702.809.733	11.057.260.748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.217.411.634.503</u></b>	<b><u>232.191.610.820</u></b>

(\*) Trong năm, Công ty đã chuyển 969.659.491.742 VND cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng theo Công văn Số 160/TTPTQĐ ngày 2 tháng 6 năm 2020, Công văn Số 198/TTPTQĐ ngày 6 tháng 7 năm 2020, Công văn Số 380/TTPTQĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và một số khác.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền là 1.703.582.576 VND (2019: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020				Ngày 31 tháng 12 năm 2019				VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Quyền biểu quyết (%)	
Đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An (*)	-	-	-	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	51%	
Đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (**)	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	10%	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	10%	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>8.000.000.000</u>	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>-</u>		<u>158.000.000.000</u>	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>150.000.000.000</u>		

(\*) Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ("PARBOT") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3603493167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 5 tháng 9 năm 2018. PARBOT có trụ sở đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 1 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông PARBOT đã ban hành Nghị quyết Số 13/NQ.PARBOT về việc giải thể công ty. Theo đó, PARBOT đã chuyển toàn bộ vốn góp và cổ tức cho Công ty với số tiền lần lượt là 150.000.000.000 VND và 12.798.763.098 VND.

(\*\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("SOPEWACO") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3601050089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 9 năm 2008. SOPEWACO có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, SOPEWACO đang dừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	4.242.898	337.615.751	(192.987.713)	148.870.936
Thuế GTGT	-	205.454.545	(205.454.545)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(32.827.459)	-	-	(32.827.459)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(28.584.561)</b>	<b>543.070.296</b>	<b>(398.442.258)</b>	<b>116.043.477</b>
Trong đó:				
Phải thu	32.827.459			32.827.459
Phải trả	4.242.898			148.870.936

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	13.345.884.000	13.345.884.000
Lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 17)	1.703.582.576	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng	-	1.377.433.544
Khác	89.021.105	99.339.248
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.138.487.681</b>	<b>14.822.656.792</b>

(\*) Khoản này thể hiện phần nhận vốn góp từ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương theo HĐHTKD Số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 8 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

					VND
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
Số đầu năm	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(32.766.653.520)	1.078.588.917.486
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.994.526.935	17.994.526.935
Số cuối năm	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>9.285.641.372</u>	<u>2.069.929.634</u>	<u>(14.772.126.585)</u>	<u>1.096.583.444.421</u>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>					
Số đầu năm	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(14.772.126.585)	1.096.583.444.421
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.940.668.169	13.940.668.169
Số cuối năm	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>9.285.641.372</u>	<u>2.069.929.634</u>	<u>(831.458.416)</u>	<u>1.110.524.112.590</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số tiền thu được từ việc phát hành 46.000.000 cổ phiếu năm 2016 và 20.000.000 cổ phiếu năm 2017 là 660.000.000.000 VND đã được sử dụng như sau:

- i) Đền bù và giải phóng mặt bằng số tiền là 653.849.000.000 VND
- ii) Bổ sung nguồn vốn lưu động số tiền là 6.151.000.000 VND

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 153/NQ-PAP ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thông qua kết quả phát hành 40.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư cá nhân, với giá phát hành là 10.300 VND/cổ phiếu. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện việc tăng vốn của Công ty từ 1.100.000.000 VND lên 1.500.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**12.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	66.000.000	60,00	66.000.000	60,00
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	31,82	35.000.000	31,82
Cổ đông khác	9.000.000	8,18	9.000.000	8,18
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.000.000</b>	<b>100</b>	<b>110.000.000</b>	<b>100</b>

**12.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

**12.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	110.000.000	110.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	15.762.982.225	34.391.743.886
Cổ tức	12.798.763.098	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.561.745.323</b>	<b>34.391.743.886</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	2.054.545.455	-
Khác	18.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.072.545.455</b>	<b>-</b>

**15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	12.724.937.110	10.655.184.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.083.407.096	4.734.852.711
Khấu hao (Thuyết minh số 7)	689.358.000	690.340.331
Khác	173.298.228	316.759.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.671.000.434</b>	<b>16.397.137.009</b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**16.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.940.668.169</b>	<b>17.994.526.935</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.788.133.634	3.598.905.387
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Cổ tức	(2.559.752.620)	-
Chi phí không được trừ	26.400.000	30.740.000
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	(254.781.014)	(3.629.645.387)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>=</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**16.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**16.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 9.908.032.994 VND (31 tháng 12 năm 2019: 11.181.938.065 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
2018	2023	12.930.119.055	(3.022.086.061)	9.908.032.994

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm nay và năm trước được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần BOT Đường vào Cảng Phước An	Công ty con	Thu hồi vốn góp	150.000.000.000	-
		Cổ tức	12.798.763.098	-
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Công ty mẹ	Nợ cho vay	148.631.000.000	-
		Lãi vay	1.703.582.576	-
		Lãi hợp tác đầu tư	-	6.077.739.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, các khoản phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Công ty mẹ	Lãi vay	1.703.582.576	-
<b>Vay ngắn hạn (*)</b>				
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Công ty mẹ	Vay	148.631.000.000	-

(\*) Đây là các khoản vay tín chấp nhằm mục đích tài trợ Dự án Cảng Phước An với lãi suất 8,5%/năm. Kỳ hạn của các khoản vay này là 12 tháng từ ngày giải ngân.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch	32.400.000	196.947.636
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên/ Tổng Giám đốc	516.795.970	356.439.845
Đào Minh Tùng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	508.643.516	486.510.516
Trần Ngọc Dũng	Thành viên	32.400.000	40.500.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	32.400.000	24.300.000
Trần Thanh Hải	Thành viên	-	37.800.000
Phạm Ngọc Hà	Thành viên	-	16.200.000
Trần Bảo Trung	Thành viên	-	13.500.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc	619.976.144	414.972.777
Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	-	330.062.588
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	294.893.420	252.803.208
Đào Đức Mạnh	Thành viên	177.971.120	100.980.644
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên	21.600.000	16.200.000
Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thành viên	-	24.210.350
		<b>2.237.080.170</b>	<b>2.311.427.564</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Dương Thị Tú Anh  
Người lập / Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 3 tháng 2 năm 2021

